

ENGLISH 6 (UNIT 1)
VOCABULARY CHECK

Nouns	Verbs	Adjectives	Adverbs
hoạt động (1) _____	Diễn/ hành động (2) _____	năng động, tích cực (3) _____	một cách tích cực (4) _____
hành động (5) _____			
diễn viên nam (6) _____			
diễn viên nữ (7) _____			
nghệ thuật (8) _____		mang tính nghệ thuật (10) _____	
nghệ sĩ (9) _____			
trường nội trú (11) _____			
bạn cùng lớp (12) _____			
phòng học (13) _____			
Lớp học (14) _____			
compa, la bàn (15) _____			
sự tạo ra (16) _____		sáng tạo (18) _____	
người tạo ra (17) _____			
thiết bị	trang bị		

(19) _____	(20) _____		
sự hào hứng, phấn chấn (21) _____		phấn chấn, hào hứng (tam trạng) (22) _____ vui, thú vị, gây hứng thú (nhận xé) (23) _____	
nhà kính (24) _____			
sự giúp đỡ (25) _____	giúp đỡ (26) _____	hay giúp đỡ, hữu ích (27) _____	
Quốc gia (28) _____		thuộc về quốc gia (29) _____ mang tính quốc tế, quốc tế (30) _____	
cuộc phỏng vấn (31) _____ người phỏng vấn (32) _____ người trả lời phỏng vấn (33) _____	phỏng vấn (34) _____		
			hải ngoại, ở nước ngoài (34) _____
tiền túi, tiền tiêu vặt (35) _____			
bài thơ (36) _____ nhà thơ (37) _____			

Thơ văn (38) _____			
	nhớ (về, nhớ làm gì đó) (39) _____		
	chia sẻ (40) _____		
		bảnh bao (41) _____	
sự bao quanh (42) _____	bao quanh (43) _____		
sự khó khăn (44) _____		khó khăn (45) _____	
sự nhầm lẫn (46) _____		chán (tâm trạng) (47) _____ tẻ nhạt (nhận xét về tính cách, điều gì đó) (48) _____	
sức khỏe (49) _____		có lợi cho sức khỏe (50) _____ không có lợi cho sức khỏe (51) _____	
hóa chất (52) _____ nhà hóa học (54) _____ ngành hóa học, môn hóa học (55) _____		thuộc về hóa chất (53) _____	
người bạn (56) _____ tình bạn		thân thiện (58) _____ không thân thiện	

(57) _____		(59) _____	
chiều dài, độ dài	làm dài ra	dài	
(60) _____	(61) _____	(62) _____	
sự cẩn thận		cẩn thận	một cách cẩn thận
(63) _____		(67) _____	(69) _____
sự ẩu		ẩu	một cách ẩu đoảng
(64) _____		(68) _____	(70) _____
sự quan tâm	quan tâm		
(65) _____	(66) _____		
		dễ dàng	một cách dễ dàng
		(71) _____	(72) _____
vị	nếm	ngon miệng	
(73) _____	(74) _____	(75) _____	
giấc ngủ	ngủ	buồn ngủ	
(76) _____	(78) _____	(79) _____	
Sự thiếu ngủ		thiếu ngủ	
(77) _____		(80) _____	
		tuyệt vời (bắt đầu bằng "w")	
		(81) _____	
lời chúc mừng	chúc mừng		
(82) _____	(83) _____		
lễ kỷ niệm	làm lễ kỷ niệm		
(84) _____	(85) _____		
cuộc thi, tranh tài	cạnh tranh	mang tính cạnh tranh	
(86) _____	(87) _____	(88) _____	
người tham gia tranh tài			
(89) _____			